Flashcardo.com

Nous espérons que ces cartes mémoire imprimables vous seront utiles. Pour découvrir encore plus de produits de cartes mémoire, rendez-vous sur notre site www.flashcardo.com. Sur Flashcardo.com, nous proposons des cartes mémoire en ligne, des cartes mémoire avec répétition espacée, des cartes mémoire vidéo et bien plus encore. Tout est gratuit et prêt à être utilisé par les apprenants du monde entier.

Droits d’auteur, notes de licence

Ce PDF est protégé par la législation sur le droit d’auteur et tous les droits sont réservés. Vous êtes libre de partager ce PDF avec qui vous voulez. Toutefois, il est interdit de vendre ce PDF ou son contenu. Si vous avez des questions, veuillez consulter www.flashcardo.com/fr pour nous contacter. Merci !

Avertissement de responsabilité

CE PDF EST FOURNI « TEL QUEL », SANS AUCUNE GARANTIE, EXPRESSE OU IMPLICITE, Y COMPRIS, MAIS SANS S’Y LIMITER, LES GARANTIES DE QUALITÉ MARCHANDE, D’ADÉQUATION À UN USAGE PARTICULIER ET D’ABSENCE DE CONTREFAÇON. EN AUCUN CAS LES AUTEURS OU LES DÉTENTEURS DES DROITS D’AUTEUR NE POURRONT ÊTRE TENUS RESPONSABLES DE TOUTE RÉCLAMATION, DOMMAGE OU AUTRE RESPONSABILITÉ, QU’IL S’AGISSE D’UNE ACTION EN RESPONSABILITÉ CONTRACTUELLE, DÉLICTUELLE OU AUTRE, DÉCOULANT DU PDF OU LIÉE À L’UTILISATION OU AUX AUTRES INTERACTIONS AVEC LE PDF.

Droits d’auteur © 2025 Flashcardo.com. Tous droits réservés

tôi je	bạn đại từ tu	anh ấy il
cô ấy elle	nó il	chúng tôi / chúng ta nous
các bạn vous	họ ils	cái gì quoi
ai qui	ở đâu où	tại sao pourquoi

làm sao comment	cái nào lequel	lúc nào quand
sau đó puis	nếu si	thật sự vraiment
nhưng mais	bởi vì parce que	không pas
này cette	Tôi cần cái này J'ai besoin de ça	Cái này giá bao nhiêu? Combien ça coûte ?

đó
vật

ça

tất cả

tous

hoặc

ou

và

et

biết

savoir

Tôi biết

je sais

Tôi không biết

Je ne sais pas

nghĩ

penser

đến

venir

đặt

mettre

lấy

prendre

tìm

trouver

nghe écouter	làm việc travailler	nói chuyện parler
cho donner	thích apprécier	giúp đỡ aider
yêu aimer	gọi téléphoner à	chờ đợi attendre
Tôi thích bạn Je t'aime bien	Tôi không thích cái này Je n'aime pas ça	Bạn có yêu tôi không? Est-ce que tu m'aimes ?

Tôi yêu bạn Je t'aime	không 0	một 1
hai 2	ba 3	bốn 4
năm 5	sáu 6	bảy 7
tám 8	chín 9	mười 10

mười một 11	mười hai 12	mười ba 13
mười bốn 14	mười năm 15	mười sáu 16
mười bảy 17	mười tám 18	mười chín 19
hai mươi 20	mới nouveau	cũ vieux

ít peu	nhiều beaucoup	bao nhiêu? đại cương combien ?
bao nhiêu? số combien ?	sai faux	chính xác correct
xấu mauvais	tốt bon	hạnh phúc heureux
ngắn court	dài long	nhỏ petit

lớn to grand	đó địa điểm là	đây ici
phải droite	trái gauche	xinh đẹp beau
trẻ jeune	già vieux	xin chào bonjour
hẹn gặp lại à plus tard	được d'accord	bảo trọng nhé prends soin de toi

đừng lo ne t’inquiètes pas	tất nhiên bien sûr	chúc ngày tốt lành bonne journée
chào salut	bái bai au revoir	tạm biệt au revoir
xin làm phiền excusez-moi	xin lỗi désolé	cảm ơn bạn merci
làm ơn S'il vous plaît	Tôi muốn cái này Je veux ça	bây giờ maintenant

buổi chiều --- après-midi	buổi sáng 9:00-11:00 --- matinée	ban đêm --- nuit
buổi sáng 6:00-9:00 --- matin	buổi tối --- soirée	buổi trưa --- midi
nửa đêm --- minuit	giờ --- heure	phút --- minute
giây --- seconde	ngày --- jour	tuần --- semaine

tháng mois	năm année	thời gian temps
ngày tháng date	ngày hôm kia avant-hier	hôm qua hier
hôm nay aujourd'hui	ngày mai demain	ngày kia après-demain
thứ hai ngày lundi	thứ ba ngày mardi	thứ tư ngày mercredi

thứ năm jeudi	thứ sáu vendredi	thứ bảy samedi
chủ nhật dimanche	Ngày mai là thứ bảy Demain c'est samedi	cuộc đời vie
đàn bà femme	đàn ông homme	tình yêu amour
bạn trai petit ami	bạn gái petite amie	bạn danh từ ami

hôn danh từ baiser	tình dục sexe	trẻ em enfant
em bé bébé	con gái đại cương fille	con trai đại cương garçon
mẹ maman	ba papa	má mẹ mère
cha père	cha mẹ parents	con trai gia đình fils

con gái gia đình fille	em gái petite sœur	em trai petit frère
chị gái grande sœur	anh trai grand frère	đứng être debout
ngồi s'asseoir	nằm xuống s'allonger	đóng fermer
mở cửa ouvrir	thua perdre	thắng gagner

chết mourir	sống động từ vivre	bật allumer
tắt éteindre	giết tuer	làm bị thương blesser
chạm toucher	xem regarder	uống boire
ăn manger	đi bộ marcher	gặp rencontrer

đặt cược parier	hôn động từ embrasser	đi theo suivre
cưới marier	trả lời répondre	hỏi demander
câu hỏi question	công ty entreprise	kinh doanh commerce
việc làm emploi	tiền argent	điện thoại téléphone

văn phòng bureau	bác sĩ médecin	bệnh viện hôpital
y tá infirmière	cảnh sát người policier	tổng thống président
màu trắng blanc	màu đen noir	màu đỏ rouge
màu xanh da trời bleu	màu xanh lá cây vert	màu vàng jaune

chậm lent	nhanh rapide	vui vẻ drôle
không công bằng injuste	công bằng juste	khó difficile
dễ facile	Cái này khó C'est difficile	giàu riche
nghèo pauvre	khỏe fort	yếu faible

an toàn sûr	mệt mỏi fatigué	tự hào fier
no bụng rassasié	bệnh malade	khỏe mạnh sain
tức giận furieux	thấp đại cương bas	cao đại cương haut
thẳng droit	mỗi / mọi tous	luôn luôn toujours

thực ra	lần nữa	đã
en fait	encore	déjà
ít hơn	phần lớn	nhiều hơn
moins	le plus	plus
Tôi muốn nhiều hơn	không có	rất
Je veux plus	aucun	très
động vật	con lợn	con bò
animal	cochon	vache

con ngựa cheval	con chó chien	con cừu mouton
con khỉ singe	con mèo chat	con gấu ours
con gà poule	con vịt canard	con bướm papillon
con ong abeille	con cá poisson	con nhện araignée

con rắn serpent	ở ngoài à l'extérieur	ở trong à l'intérieur
xa loin	gần près	bên dưới dessous
bên trên au-dessus	bên cạnh à côté de	phía trước avant
phía sau arrière	ngọt sucré	chua aigre

lạ étrange	mềm doux	cứng dur
đáng yêu mignon	ngu ngốc stupide	điên khùng fou
bận rộn occupé	cao người grand	thấp người petit
lo lắng inquiet	ngạc nhiên surpris	ngầu cool

cư xử tốt sage	ác độc mauvais	khéo léo intelligent
lạnh froid	nóng chaud	đầu tête
mũi nez	tóc cheveu	miệng bouche
tai oreille	mắt œil	bàn tay main

bàn chân pied	tim cœur	não cerveau
kéo tirer	đẩy pousser	ấn appuyer
đánh frapper	bắt attraper	chiến đấu se battre
ném jeter	chạy động từ courir	đọc lire

viết écrire	sửa chữa réparer	đếm compter
cắt couper	bán vendre	mua acheter
trả payer	học étudier	mơ rêver
ngủ dormir	chơi jouer	ăn mừng célébrer

nghỉ ngơi se reposer	thưởng thức jouir	dọn dẹp nettoyer
trường học école	nhà ở maison	cửa porte
chồng mari	vợ femme	đám cưới mariage
người personne	xe hơi voiture	nhà résidence

thành phố ville	số chiffre	hai mươi mốt 21
hai mươi hai 22	hai mươi sáu 26	ba mươi 30
ba mươi mốt 31	ba mươi ba 33	ba mươi bảy 37
bốn mươi 40	bốn mươi mốt 41	bốn mươi bốn 44

bốn mươi tám 48	năm mươi 50	năm mươi mốt 51
năm mươi lăm 55	năm mươi chín 59	sáu mươi 60
sáu mươi mốt 61	sáu mươi hai 62	sáu mươi sáu 66
bảy mươi 70	bảy mươi mốt 71	bảy mươi ba 73

bảy mươi bảy 77	tám mươi 80	tám mươi mốt 81
tám mươi bốn 84	tám mươi tám 88	chín mươi 90
chín mươi mốt 91	chín mươi lăm 95	chín mươi chín 99
một trăm 100	một nghìn 1000	mười nghìn 10.000

một trăm nghìn 100.000	một triệu 1.000.000	con chó của tôi mon chien
con mèo của bạn votre chat	váy của cô ấy sa robe	xe của anh ấy sa voiture
quả bóng của nó sa balle	nhà của chúng tôi notre maison	đội của bạn votre équipe
công ty của họ leur entreprise	mọi người tout le monde	cùng nhau ensemble

khác autre	không thành vấn đề Ça n'a pas d'importance	chúc mừng Santé
thư giãn đi se détendre	tôi đồng ý je suis d'accord	chào mừng bienvenue
không phải lo pas de soucis	rẽ phải tourne à droite	rẽ trái tourne à gauche
đi thẳng Va tout droit	Hãy đi với tôi Viens avec moi	trứng œuf

phô mai fromage	sữa lait	cá poisson
thịt viande	rau légume	trái cây fruit
xương món ăn os	dầu huile	bánh mì pain
đường món ăn sucre	sô cô la chocolat	kẹo bonbon

bánh bông lan gâteau	đồ uống boisson	nước eau
nước soda eau gazeuse	cà phê café	trà thé
bia bière	rượu nho vin	sa lát salade
súp soupe	món tráng miệng dessert	bữa ăn sáng petit déjeuner

bữa trưa déjeuner	bữa tối dîner	pizza pizza
xe buýt bus	xe lửa train	ga xe lửa gare
trạm dừng xe buýt arrêt de bus	máy bay avion	tàu navire
xe tải camion	xe đạp vélo	xe mô tô moto

xe taxi taxi	đèn giao thông feu	bãi đậu xe parking
đường xe hơi route	quần áo vêtement	giày dép chaussure
áo choàng manteau	áo len pull	áo sơ mi chemise
áo khoác veste	âu phục costume	quần dài pantalon

đầm robe	áo phông t-shirt	bít tất chaussette
áo ngực soutien-gorge	quần lót culotte	kính paire de lunettes
túi xách sac à main	ví tiền porte-monnaie	ví portefeuille
nhẫn bague	mũ chapeau	đồng hồ đeo tay montre

túi poche	Bạn tên gì? Quel est ton nom ?	Tên của tôi là David Je m'appelle David
Tôi 22 tuổi J'ai 22 ans	Bạn có khoẻ không? comment ça va ?	Bạn có ổn không? Ça va?
Nhà vệ sinh ở đâu vậy? Où sont les toilettes ?	Tôi nhớ bạn Tu me manques	mùa xuân printemps
mùa hè été	mùa thu automne	mùa đông hiver

tháng một janvier	tháng hai février	tháng ba mars
tháng tư avril	tháng năm mai	tháng sáu juin
tháng bảy juillet	tháng tám août	tháng chín septembre
tháng mười octobre	tháng mười một novembre	tháng mười hai décembre

mua sắm shopping	hóa đơn facture	chợ marché
siêu thị supermarché	tòa nhà bâtiment	căn hộ appartement
trường đại học université	nông trại ferme	nhà thờ église
nhà hàng restaurant	quán bar bar	phòng thể dục centre de fitness

công viên parc	nhà vệ sinh đại cương toilettes	bản đồ carte
xe cứu thương ambulance	cảnh sát đại cương police	súng pistolet
lính cứu hỏa đại cương pompiers	quốc gia pays	ngoại ô banlieue
ngôi làng village	sức khỏe santé	dược phẩm médicament

tai nạn accident	bệnh nhân patient	phẫu thuật opération
viên thuốc pilule	sốt fièvre	cảm lạnh rhume
vết thương plaie	cuộc hẹn rendez-vous	ho toux
cổ cou	mông fesses	vai épaule

đầu gối genou	chân cuisse	tay bras
bụng ventre	ngực sein	lưng dos
răng dent	lưỡi langue	môi lèvre
ngón tay doigt	ngón chân orteil	dạ dày estomac

phổi poumon	gan foie	dây thần kinh nerf
thận rein	ruột intestin	màu sắc couleur
màu cam orange	màu xám gris	màu nâu brun
màu hồng rose	nhàm chán ennuyeux	nặng lourd

nhẹ léger	cô đơn solitaire	đói bụng affamé
khát nước assoiffé	buồn triste	dốc raide
bằng phẳng plat	tròn rond	vuông angulaire
hẹp étroit	rộng large	sâu profond

nông peu profond	lớn rất énorme	bắc Nord
đông Est	nam Sud	tây Ouest
bẩn sale	sạch sẽ propre	đầy plein
trống rỗng vide	đắt cher	rẻ pas cher

tối sombre	sáng lumineux	quyến rũ sexy
lười biếng paresseux	dũng cảm courageux	hào phóng généreux
đẹp trai beau	xấu xí laid	ngớ ngẩn idiot
thân thiện amical	tội lỗi coupable	mù aveugle

say ivre	ướt mouillé	khô sec
ấm áp chaud	ồn ào bruyant	yên tĩnh calme
im lặng silencieux	nhà bếp cuisine	phòng tắm salle de bain
phòng khách salon	phòng ngủ chambre à coucher	vườn jardin

gara garage	tường mur	tầng hầm sous-sol
nhà vệ sinh nhà ở toilettes	cầu thang escaliers	mái nhà toit
cửa sổ tòa nhà fenêtre	dao couteau	tách tasse
ly verre	đĩa assiette	cốc gobelet

thùng rác poubelle	tô bol	bộ tivi poste de télévision
bàn văn phòng bureau	giường lit	gương miroir
vòi hoa sen douche	ghế sô pha canapé	ảnh photographie
đồng hồ horloge	bàn nhà table	ghế nhà chaise

hồ bơi vườn piscine	chuông cloche	hàng xóm voisin
thất bại échouer	chọn choisir	bắn tirer
bình chọn voter	rơi xuống tomber	bảo vệ défendre
tấn công attaquer	trộm voler	đốt brûler

cứu secourir	hút thuốc fumer	bay voler
mang theo porter	khạc nhổ cracher	đá động từ frapper avec le pied
cắn mordre	thở respirer	ngửi sentir
khóc pleurer	hát chanter	cười mỉm sourire

cười rire	lớn lên grandir	co lại rétrécir
tranh luận se disputer	đe dọa menacer	chia sẻ partager
cho ăn alimenter	trốn cacher	cảnh báo avertir
bơi nager	nhảy sauter	lăn rouler

nâng soulever	đào creuser	sao chép copier
giao hàng livrer	tìm kiếm chercher	luyện tập s’entraîner
đi du lịch voyager	vẽ peindre	tắm vòi sen se doucher
mở khóa ouvrir	khóa verrouiller	rửa laver

cầu nguyện prier	nấu ăn cuire	sách livre
thư viện bibliothèque	bài tập về nhà devoirs	bài thi examen
bài học leçon	khoa học science	lịch sử histoire
nghệ thuật art	tiếng Anh anglais	tiếng Pháp français

cây bút stylo	bút chì crayon	ba phần trăm 3%
thứ nhất premièr	thứ hai 2 deuxième	thứ ba 3 troisième
thứ tư 4 quatrième	kết quả résultat	hình vuông carré
hình tròn cercle	diện tích aire	nghiên cứu recherche

bằng cấp degré universitaire	cử nhân licence	thạc sĩ maîtrise
x nhỏ hơn y x < y	x lớn hơn y x > y	áp lực stress
bảo hiểm assurance	nhân viên công ty personnel	bộ phận département
lương salaire	địa chỉ adresse	lá thư lettre

thuyền trưởng capitaine	thám tử détective	phi công pilote
giáo sư professeur	giáo viên professeur	luật sư avocat
thư ký secrétaire	trợ lý assistant	thẩm phán juge
giám đốc directeur	quản lý supérieur	đầu bếp cuisinier

tài xế taxi chauffeur de taxi	tài xế xe buýt chauffeur	tội phạm criminel
người mẫu mannequin	nghệ sĩ artiste	số điện thoại numéro de téléphone
tín hiệu signal	ứng dụng appli	trò chuyện chat
tập tin fichier	url URL	địa chỉ email adresse e-mail

trang mạng site internet	thư điện tử e-mail	điện thoại di động téléphone portable
pháp luật loi	nhà tù prison	chứng cớ preuve
tiền phạt amende	nhân chứng témoin	tòa án tribunal
chữ ký signature	thua lỗ perte	lợi nhuận profit

khách hàng client	số tiền montant	thẻ tín dụng carte de crédit
mật khẩu mot de passe	máy rút tiền distributeur de billets	bể bơi piscine
điện courant	máy ảnh appareil photo	đài radio radio
quà tặng cadeau	cái chai bouteille	cái túi sac

chìa khóa clé	búp bê poupée	thiên thần ange
lược peigne	kem đánh răng dentifrice	bàn chải đánh răng brosse à dents
dầu gội shampooing	kem thoa crème	khăn giấy mouchoir en papier
son môi rouge à lèvres	truyền hình télé	rạp chiếu phim cinéma

tin tức journal	ghế rạp chiếu phim siège	vé ticket
màn chiếu écran	âm nhạc musique	sân khấu scène
khán giả public	hội họa peinture	trò đùa blague
bài báo article	báo chí journal	tạp chí magazine

quảng cáo publicité	thiên nhiên nature	tro cendre
lửa feu	kim cương diamant	mặt trăng lune
Trái Đất terre	mặt trời soleil	ngôi sao étoile
hành tinh planète	vũ trụ univers	bờ biển biển côte

hồ lac	rừng forêt	sa mạc désert
đồi núi colline	đá danh từ rocher	con sông rivière
thung lũng vallée	núi montagne	đảo île
đại dương océan	biển mer	thời tiết temps

băng	tuyết	bão táp
glace	neige	tempête
mưa	gió	thực vật
pluie	vent	plante
cây	cỏ	hoa hồng
arbre	herbe	rose
hoa	chất khí	kim loại
fleur	gaz	métal

vàng or	bạc argent	Bạc rẻ hơn vàng L'argent est moins cher que l'or
Vàng đắt hơn bạc L'or est plus cher que l'argent	ngày lễ vacances	thành viên người membre
khách sạn hôtel	bờ biển cát plage	khách invité
sinh nhật anniversaire	Giáng sinh Noël	Năm Mới nouvel an

Lễ Phục sinh Pâques	chú oncle	cô tante
bà nội grand-mère	ông nội grand-père	bà ngoại grand-mère
ông ngoại grand-père	tử vong mort	phần mộ tombe
ly hôn divorce	cô dâu mariée	chú rể marié

một trăm linh một 101	một trăm linh năm 105	một trăm mười 110
một trăm năm mươi mốt 151	hai trăm 200	hai trăm linh hai 202
hai trăm linh sáu 206	hai trăm hai mươi 220	hai trăm sáu mươi hai 262
ba trăm 300	ba trăm linh ba 303	ba trăm linh bảy 307

ba trăm ba mươi 330	ba trăm bảy mươi ba 373	bốn trăm 400
bốn trăm linh bốn 404	bốn trăm linh tám 408	bốn trăm bốn mươi 440
bốn trăm tám mươi bốn 484	năm trăm 500	năm trăm linh năm 505
năm trăm linh chín 509	năm trăm năm mươi 550	năm trăm chín mươi lăm 595

sáu trăm 600	sáu trăm linh một 601	sáu trăm linh sáu 606
sáu trăm mười sáu 616	sáu trăm sáu mươi 660	bảy trăm 700
bảy trăm linh hai 702	bảy trăm linh bảy 707	bảy trăm hai mươi bảy 727
bảy trăm bảy mươi 770	tám trăm 800	tám trăm linh ba 803

tám trăm linh tám 808	tám trăm ba mươi tám 838	tám trăm tám mươi 880
chín trăm 900	chín trăm linh bốn 904	chín trăm linh chín 909
chín trăm bốn mươi chín 949	chín trăm chín mươi 990	con hổ tigre
con chuột souris	con chuột cống rat	con thỏ lapin

con sư tử lion	con lừa âne	con voi éléphant
con chim oiseau	con gà trống choai coq	con chim bồ câu pigeon
con ngỗng oie	côn trùng insecte	con bọ coléoptère
con muỗi moustique	con ruồi mouche	con kiến fourmi

con cá voi baleine	con cá mập requin	con cá heo dauphin
con ốc sên escargot	con ếch grenouille	thường xuyên souvent
ngay lập tức immédiatement	đột ngột soudainement	mặc dù bien que
thể dục dụng cụ gymnastique	quần vợt tennis	chạy danh từ course à pied

đạp xe cyclisme	đánh golf golf	trượt băng patinage sur glace
bóng đá football	bóng rổ basketball	bơi lội natation
lặn plongée	đi bộ đường dài randonnée	Vương quốc Anh Royaume-Uni
Tây Ban Nha Espagne	Thụy sĩ Suisse	Ý Italie

Pháp France	Đức Allemagne	Thái Lan Thaïlande
Singapore Singapour	Nga Russie	Nhật Bản Japon
Israel Israël	Ấn Độ Inde	Trung Quốc Chine
Hoa Kỳ États-Unis d'Amérique	Mexico Mexique	Canada Canada

Chile Chili	Brazil Brésil	Argentina Argentine
Nam Phi Afrique du Sud	Nigeria Nigeria	Ma Rốc Maroc
Libya Libye	Kenya Kenya	Algeria Algérie
Ai Cập Égypte	New Zealand Nouvelle-Zélande	Úc Australie

Châu Phi Afrique	Châu Âu Europe	Châu Á Asie
Châu Mỹ Amérique	mười lăm phút un quart d'heure	nửa tiếng une demi-heure
bốn mươi lăm phút trois quarts d'heure	một giờ 1:00	hai giờ năm phút 2:05
ba giờ mười phút 3:10	bốn giờ mười lăm 4:15	năm giờ hai mươi 5:20

sáu giờ hai mươi năm 6:25	bảy giờ rưỡi 7:30	tám giờ ba mươi lăm 8:35
mười giờ kém hai mươi 9:40	mười một giờ kém mười năm 10:45	mười hai giờ kém mười 11:50
một giờ kém năm 12:55	một giờ sáng une heure du matin	hai giờ chiều deux heures de l'après-midi
tuần trước semaine dernière	tuần này cette semaine	tuần sau semaine prochaine

năm ngoái --- année dernière	năm nay --- cette année	năm sau --- année prochaine
tháng trước --- mois dernier	tháng này --- ce mois-ci	tháng sau --- mois prochain
ngày một tháng một năm hai nghìn mười bốn --- 2014-01-01	ngày hai mươi lăm tháng hai năm hai nghìn linh ba --- 2003-02-25	ngày mười hai tháng tư năm một nghìn chín trăm tám mươi tám --- 1988-04-12
ngày mười ba tháng mười năm một nghìn tám trăm chín mươi chín --- 1899-10-13	ngày ba mươi tháng chín năm một nghìn chín trăm linh bảy --- 1907-09-30	ngày mười hai tháng mười hai năm hai nghìn --- 2000-12-12

trán front	nếp nhăn ride	cằm menton
má cơ thể joue	râu barbe	lông mi cils
lông mày sourcil	eo taille	gáy nuque
lồng ngực poitrine	ngón cái pouce	ngón tay út petit doigt

ngón tay đeo nhẫn annulaire	ngón tay giữa médius	ngón tay trỏ index
cổ tay poignet	móng tay ongle	gót chân talon
xương sống colonne vertébrale	cơ bắp muscle	xương cơ thể os
bộ xương squelette	xương sườn côte	đốt sống vertèbre

bàng quang vessie	tĩnh mạch veine	động mạch artère
âm đạo vagin	tinh trùng sperme	dương vật pénis
tinh hoàn testicule	mọng nước juteux	cay épicé
mặn salé	sống tính từ brut	luộc bouilli

nhút nhát timide	tham lam gourmand	nghiêm khắc strict
điếc sourd		